Tên **giáo viên:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Hướng dẫn: Đọc từng câu và sau đó chọn **một** câu trả lời mà em cho là phù hợp nhất. Không có câu trả lời đúng hay sai. Giáo viên của em sẽ sử dụng các câu trả lời mà các bạn trong lớp em đưa ra để hiểu rõ hơn suy nghĩ của các học sinh trong lớp. Giáo viên của em sẽ không biết được câu trả lời của em.

|  |  | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Giáo viên của em giải thích rằng sai lầm là điều bình thường trong học tập. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 2. | Giáo viên yêu cầu chúng em tóm tắt những gì chúng em đã học được trong bài học. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 3. | Giáo viên của em khuyến khích học sinh phản biện ý tưởng của nhau trong lớp học. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 4. | Học sinh thúc đẩy nhau để học tốt hơn trong lớp này. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 5. | Em có thể liên kết những gì chúng em học được trong lớp này với những gì chúng em học được từ các môn học khác. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 6. | Giáo viên của em kiểm tra để đảm bảo rằng chúng em hiểu những gì mà giáo viên đang dạy. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 7. | Giáo viên của em sử dụng các câu hỏi mở giúp em nghĩ ra nhiều phương án trả lời. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 8. | Giáo viên của em đưa ra ví dụ về kết quả xuất sắc, vì vậy em hiểu những gì giáo viên mong đợi ở mình. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 9. | Khi thảo luận về việc học của em, giáo viên sử dụng giọng điệu tích cực ngay cả khi em cần phải nỗ lực tiến bộ hơn. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 10. | Trong lớp học này, học sinh xem bài làm của nhau và cung cấp cho nhau những lời khuyên hữu ích để cùng nhau tiến bộ. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 11. | Khi được hỏi, em có thể giải thích những gì em đang được học và lý do tại sao. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 12. | Sau khi nhận được phản hồi từ giáo viên, em biết làm thế nào để làm bài tốt hơn.  | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 13. | Bài tập ở lớp này khá thử thách nhưng không quá khó đối với em. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 14. | Trong lớp học, giáo viên của em lập kế hoạch cho các hoạt động trong lớp dựa trên những điều khiến học sinh hứng thú. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 15. | Trong các bài học của chúng em, em được yêu cầu áp dụng những gì em biết để giải quyết các bài toán hoặc nhiệm vụ mới khó khăn. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 16. | Giáo viên của em cho em biết trước bài tập của em sẽ được chấm điểm như thế nào.  | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 17. | Trong lớp học này, các bạn khác dành thời gian để lắng nghe ý kiến của em. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 18. | Khi tài liệu môn học có vẻ khó hiểu, giáo viên của em biết cách chia nhỏ nội dung tài liệu để em dễ hiểu hơn. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 19. | Trong lớp học, giáo viên của em quan tâm đến sức khỏe tinh thần của em chứ không chỉ bài vở trên lớp.  | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 20. | Mức độ hoạt động của em trong lớp vượt xa những gì em đã nghĩ rằng em có thể làm. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 21. | Những gì em học được từ giáo viên của mình thường truyền cảm hứng cho em khám phá các chủ đề bên ngoài lớp học.  | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 22. | Tài liệu học tập được giảng dạy rõ ràng. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 23. | Khi có thể, giáo viên của em sử dụng tài liệu phản ánh được sự đa dạng văn hóa của lớp học. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 24. | Trong lớp học này, học sinh hỗ trợ lẫn nhau để đạt được thành công. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 25. | Nếu em sớm hoàn thành nhiệm vụ của mình ở lớp, giáo viên sẽ yêu cầu em làm những nhiệm vụ khó hơn. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 26. | Niềm đam mê của giáo viên đối với môn học khiến em càng muốn học hỏi thêm. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 27. | Giáo viên yêu cầu em đánh giá mức độ hiểu biết của mình về những gì chúng em đã học ở lớp. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 28. | Em sử dụng bằng chứng để diễn giải suy nghĩ của mình khi viết, trình bày bài tập và trả lời các câu hỏi. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 29. | Để giúp em hiểu rõ hơn, giáo viên giải thích những chủ đề khó với em dựa trên chính sở thích của em. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 30. | Trong lớp học này, học sinh cùng hỗ trợ nhau học những nội dung khó. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 31. | Trong lớp học này, em học cách sử dụng thuần thục công nghệ (ví dụ: Internet, công cụ) để hỗ trợ việc học của mình. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 32. | Giáo viên giúp chúng em xác định điểm mạnh và chỉ cho chúng em cách tận dụng điểm mạnh để giúp chúng em học hỏi. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 33. | Giáo viên phản biện để em đưa ra bằng chứng hỗ trợ câu trả lời hoặc lập luận của mình. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 34. | Trong lớp học này, học sinh được yêu cầu giảng lại một phần hoặc toàn bộ bài học cho bạn học khác. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 35. | Lớp học của chúng em tập trung vào nhiệm vụ và không lãng phí thời gian. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 36. | Trong một tiết học, giáo viên sẽ nhanh chóng thay đổi cách giảng dạy nếu cả lớp không hiểu (ví dụ: chuyển từ giải thích bằng lời sang sử dụng sơ đồ). | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 37. | Giáo viên của em khuyến khích chúng em chấp nhận những quan điểm khác nhau được thể hiện trong lớp. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 38. | Em có thể học theo nhiều cách (ví dụ: viết, đồ thị, tranh ảnh) trong lớp học này. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 39. | Trong lớp học này, giáo viên và học sinh tôn trọng lẫn nhau. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 40. | Giáo viên của em đưa ra phản hồi nhanh chóng để em biết cách làm tốt hơn trong bài tập tiếp theo.  | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 41. | Giáo viên của em áp dụng nhiều cách khác nhau để giúp tất cả học sinh học tập (ví dụ: vẽ tranh; nói to; sử dụng slide; viết trên bảng; chơi trò chơi). | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 42. | Trong lớp học của giáo viên, học sinh giúp giáo viên phát triển tài liệu hướng dẫn (ví dụ: phiếu đánh giá, bài tập mẫu của học sinh) sẽ được sử dụng để chấm điểm bài tập. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 43. | Trong lớp học này, học sinh được phép làm các bài tập mà mình thích. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 44. | Giáo viên của em tin rằng sự chăm chỉ, chứ không phải khả năng, sẽ giúp em thành công. | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 45. | Trong lớp học này, em có thể quyết định cách thể hiện hiểu biết của mình (ví dụ: viết bài, chuẩn bị slide, làm video). | ○ | ○ | ○ | ○ |

|  |
| --- |
| KHÔNG BẮT BUỘC: Nếu em có thêm bất kỳ phản hồi nào cho giáo viên của mình, hãy chia sẻ tại đây. |
|  |